

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ XÃ HỘI CỦA TRÍ THỨC HIỆN NAY

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội học tập, xã hội tri thức ngày nay, giới trí thức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xã hội phát triển. Chính vì lẽ đó mà hơn bao giờ hết, trong bối cảnh hiện nay, người trí thức càng cần gắn bó mật thiết với xã hội, với đất nước để cống hiến tri thức của mình cho xã hội.

Nghiên cứu này góp phần tìm hiểu định hướng giá trị xã hội của trí thức hiện nay. Nghiên cứu sẽ trả lời câu hỏi: giới trí thức hướng đến và đánh giá cao một môi trường xã hội như thế nào. Các tiêu chí được tập trung tìm hiểu liên quan đến cách thức quản lý và vận hành xã hội. Cụ thể, đó là định hướng giá trị xã hội của trí thức được thể hiện trong lựa chọn các mô hình xã hội mà trong đó họ mong muốn được sinh sống và hoạt động. Kết quả của nghiên cứu sẽ phác thảo ra những giá trị xã hội mà giới trí thức hướng đến và cũng là sự thể hiện của nhân cách văn hóa trí thức hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mẫu chọn: Gồm 1528 người là trí thức thuộc các nhóm ngành nghề khác nhau (nghiên cứu khoa học, y tế, giáo dục, kinh doanh, quản lý, văn hóa nghệ thuật...) có tuổi từ 20 đến 80 và thâm niên công tác từ 1 đến 55 năm. Họ hiện đang sinh sống và làm việc tại các thành phố lớn của nước ta: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Huế.

Công cụ nghiên cứu: Để tìm hiểu định hướng giá trị xã hội của trí thức hiện nay, nghiên cứu đã sử dụng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu. Bảng hỏi, là công cụ chính, trong đó đưa ra những mô hình xã hội để người trả lời lựa chọn mô hình mình yêu thích. Có 6 cặp giá trị xã hội, mỗi cặp là hai giá trị xã hội đối lập nhau một cách tương đối và là 2 đầu mút của thang 5 mức độ ứng với mức độ mong muốn của người trả lời. Cách chia thang mức độ này đảm bảo sự lựa chọn của người trả lời không mang tính khiên cưỡng. Có thể biểu diễn mức độ của các lựa chọn ở bảng sau:

Bảng 1: Ý nghĩa, điểm số của các phương án lựa chọn mô hình xã hội

Mô hình xã hội	Mô hình (a) $\xrightarrow{\hspace{10em}}$ Mô hình (b)				
Phương án lựa chọn	Rất gần (a)	Hơi gần (a)	Không rõ	Hơi gần (b)	Rất gần (b)
Điểm số	1	2	3	4	5

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng các thông tin định tính thu được từ phỏng vấn sâu để làm rõ hơn một số nội dung.

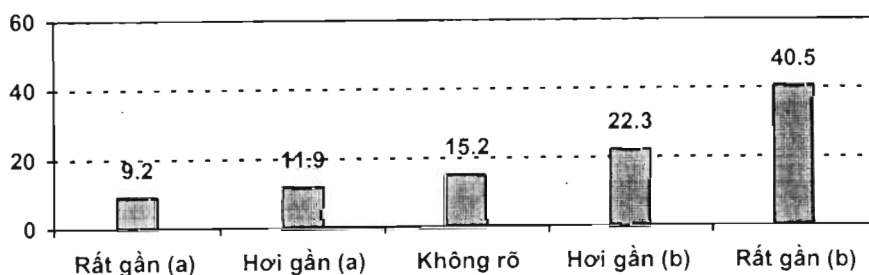
Phân tích dữ liệu: Việc phân tích dữ liệu dựa chủ yếu vào phân bố tần xuất (tỷ lệ %) các lựa chọn của người trả lời và điểm trung bình (M) trong thang mức độ với điểm lớn nhất = 5 ứng với việc chọn phương án (b) và điểm thấp nhất = 1 ứng với việc lựa chọn phương án (a) và độ lệch chuẩn (SD, ứng với mức độ phân tán của mẫu trả lời về các lựa chọn của mình).

3. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã đưa ra một số lựa chọn với các mô hình xã hội liên quan đến các mặt khác nhau: qui chế quản lý nới lỏng hay chặt chẽ đối với phát triển hoạt động kinh tế, phúc lợi xã hội và thuế tương ứng, qui chế quản lý hay trách nhiệm dân sự cá nhân, thu nhập được phân phối quân bình hay có tính cạnh tranh, phát triển kinh tế hay bảo vệ môi trường. Kết quả cụ thể cho thấy các lựa chọn trong 6 cặp mô hình sẽ hiển thị ở các hình dưới đây.

Với mô hình xã hội liên quan đến qui chế quản lý có hai lựa chọn:

a. Một xã hội trong đó nới lỏng các quy chế quản lý xã hội nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động dịch vụ kinh tế - xã hội, cho dù điều đó có thể làm cho các tệ nạn xã hội nhiều hơn ở mức độ nào đó.



M 1= 3.74; SD 1= 1.33

Hình 1: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến qui chế quản lý (Tỷ lệ %)

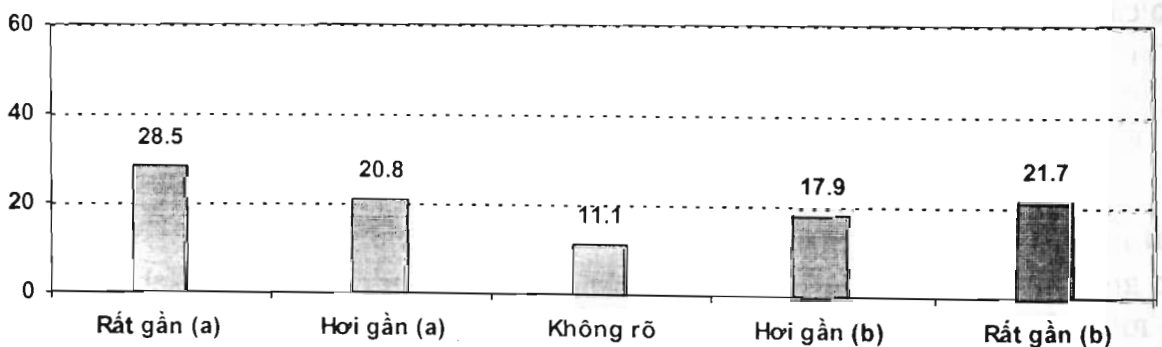
b. Một xã hội trong đó tăng cường các quy chế quản lý xã hội nhằm giảm thiểu tệ nạn xã hội, cho dù điều đó có thể làm giảm nhịp độ phát triển các loại dịch vụ kinh tế - xã hội ở mức nào đó.

Điểm trung bình của các lựa chọn ở mô hình xã hội liên quan đến cơ chế quản lý (M_1) = 3.74, độ lệch chuẩn (SD_1) = 1.33. Với phân bố thể hiện trong hình 1 cho thấy một số điểm như sau: Nhìn chung, mẫu chọn có xu hướng nghiêng về phía phương án b, tức là những người trí thức thích sống trong một xã hội có sự quản lý xã hội chặt chẽ, qui củ, với một nhịp độ phát triển kinh tế vừa phải hơn là một xã hội phát triển kinh tế bằng mọi giá.

Bên cạnh đó cũng có một tỷ lệ những người lựa chọn giá trị kinh tế, tức là chọn một xã hội trong đó ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu. Tỷ lệ này chiếm khoảng 20% trên toàn mẫu. Những người chọn giá trị phát triển kinh tế thường là nam, chủ yếu sống ở Hà Nội hơn là ở các tỉnh miền Trung (chiếm 59.4% những người lựa chọn phương án này, trong khi người sống ở Hà Nội chỉ chiếm 38.2% của toàn mẫu), phần nhiều có điểm nỗ lực thành đạt ở mức thấp (chiếm 25% những người lựa chọn phương án này trong khi tỷ lệ này ở toàn mẫu là 15.1%), có điểm phản biện xã hội ở mức thấp (chiếm tỷ lệ 26.9% số người chọn phương án này nhưng trong toàn mẫu những người có điểm phản biện xã hội thấp chiếm chỉ 17%). Có thể nói, những người lựa chọn một xã hội ưu tiên phát triển kinh tế là những người có cách nhìn nhận khá đơn giản về xã hội.

Mô hình xã hội liên quan tới phúc lợi xã hội và thuế với 2 lựa chọn:

- a. Một xã hội có phúc lợi xã hội rộng rãi, nhưng thuế cao.
- b. Một xã hội với thuế thấp và các cá nhân phải có trách nhiệm với mình.



$$M_2 = 2.83, SD_2 = 1.54$$

Hình 2: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến phúc lợi xã hội và thuế (Tỷ lệ %)

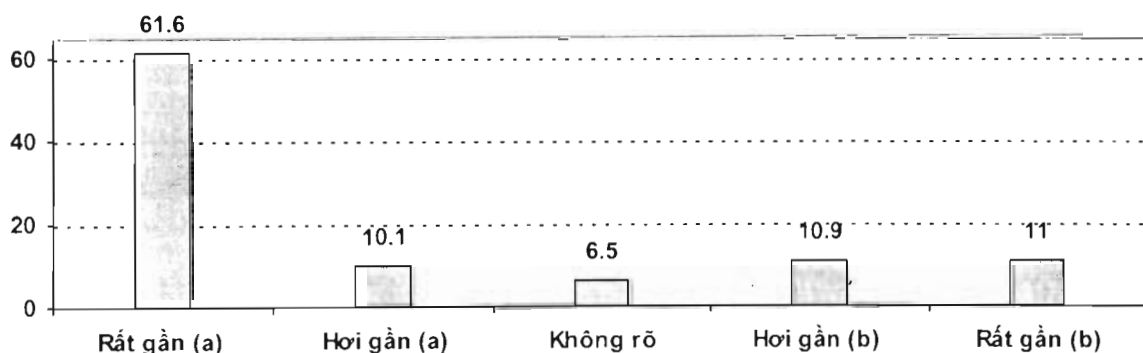
Kết quả hiển thị ở hình 2 cho thấy rằng các ý kiến của giới trí thức không thống nhất mà tương đối phân tán ở tất cả các phương án trả lời với tỷ lệ không có sự phân biệt. Tuy nhiên, tỷ lệ người mong muốn một xã hội có phúc lợi rộng rãi nhưng thuế cao vẫn cao hơn số người mong muốn sống trong một xã hội có thuế thấp nhưng ít phúc lợi xã hội. Điều đó có nghĩa là nhiều người định hướng tới một xã hội văn minh, những yếu nhân được xã hội quan tâm, chăm sóc đầy đủ hơn.

Nghiên cứu sâu hơn, số liệu cho thấy thế hệ những người trung niên và cao niên (> 40 tuổi) và trí thức nữ có xu hướng mong muốn sống trong một xã hội có mức thuế thấp, sự đóng góp cho xã hội của mỗi cá nhân thấp đi, và bù lại, mỗi cá nhân phải có trách nhiệm với bản thân mình, trong khi đó những người trẻ tuổi hơn (dưới 40) và trí thức nam thì có xu hướng nghiêng về một xã hội mà mỗi cá nhân phải có mức đóng góp cao nhưng lại có phúc lợi xã hội cao. Số liệu này cho thấy, trong thời điểm hiện tại, những người định hướng đến những giá trị xã hội của sự đóng góp cá nhân và phúc lợi chung là những người trẻ tuổi và là nam giới nhiều hơn những người nhiều tuổi và nữ giới.

Mô hình xã hội liên quan tới qui chế và trách nhiệm cá nhân với hai lựa chọn:

a. Một xã hội đảm bảo được an ninh và ổn định thông qua các quy chế phù hợp.

b. Một xã hội có ít quy chế và mỗi người phải chịu trách nhiệm với chính hành động của mình.



$$M_3 = 2.0, SD_3 = 1.45$$

Hình 3: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến qui chế và trách nhiệm cá nhân (Tỷ lệ %)

Số liệu thu được cho thấy, đa số trí thức (chiếm 61.6%) đều lựa chọn một xã hội được đảm bảo về mặt an ninh và ổn định thông qua các quy chế phù

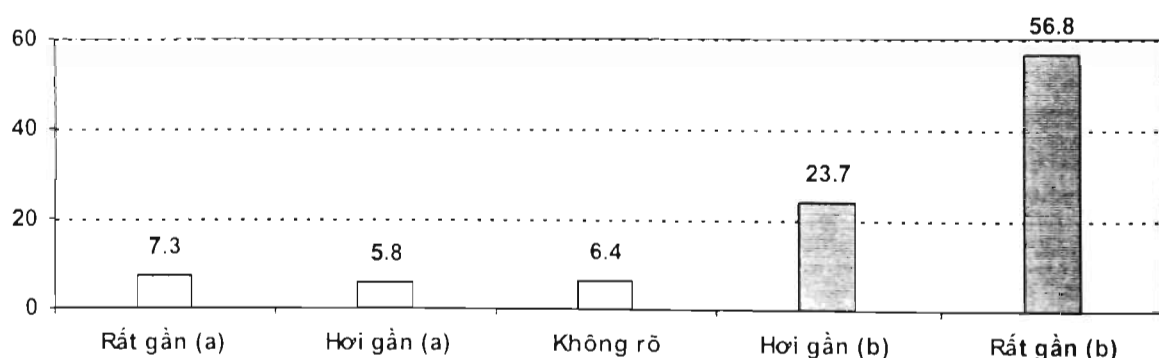
hợp hơn là một xã hội ít có qui chế ràng buộc mọi người mà chỉ dựa trên trách nhiệm cá nhân.

Một tỷ lệ nhỏ những người lựa chọn giá trị xã hội, trong đó có ít qui chế qui định hành vi của mỗi người mà chủ yếu chỉ do trách nhiệm cá nhân (khoảng 11% số người được hỏi). Đó là những người nào? Số liệu thống kê cho thấy trong số này, tỷ lệ nam có nhiều hơn so với nữ (62.2% nam so với 37.8% nữ; trong khi toàn mẫu tỷ lệ nam so với nữ là 59.5% và 40.5%), nhiều người có mức sống khó khăn của toàn mẫu tập trung lựa chọn giá trị này, những người có điểm tính cạnh tranh cao (27.2% so với tỷ lệ 15.4% của toàn mẫu), có điểm niềm tin ở mức trung bình (59% so với 68.3% của toàn mẫu). Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt về tỷ lệ phân bố của nhóm này so với toàn mẫu ở các đặc điểm như lứa tuổi, ngành nghề, thâm niên công tác cũng như học hàm học vị. Điều này cho thấy những đặc điểm vừa nêu trên đây không gây ra sự khác biệt nào về lựa chọn giá trị xã hội này của trí thức hiện nay.

Mô hình xã hội liên quan tới chênh lệch thu nhập có hai lựa chọn:

a. Một xã hội chênh lệch thu nhập trong xã hội rất nhỏ, hiệu quả lao động chỉ là một tiêu chí có ý nghĩa vừa phải trong phân phối thu nhập.

b. Một xã hội cạnh tranh, nơi thu nhập phân phối chủ yếu trên cơ sở hiệu quả lao động.



$$M_4 = 4.17; SD_4 = 1.22$$

Hình 4: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến chênh lệch thu nhập (Tỷ lệ %)

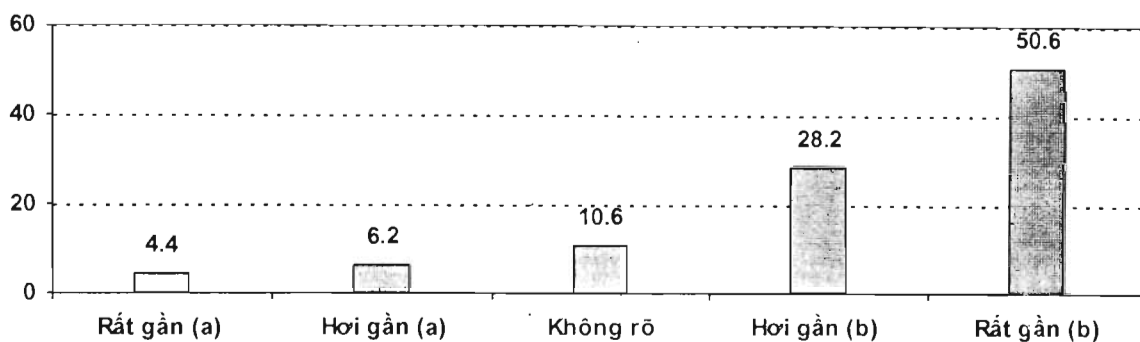
Hình 4 hiển thị kết quả khảo sát cho thấy, ý kiến của phần đông trí thức nghiêng về phía ủng hộ một xã hội cạnh tranh, nơi thu nhập chủ yếu dựa trên hiệu quả lao động của mỗi người (với 56.8% số người có lựa chọn ở mức độ tuyệt đối - mức 5 điểm, và 23.7% lựa chọn ở mức độ ủng hộ - mức 4 điểm). Chỉ một tỷ lệ rất nhỏ mong muốn sống trong một xã hội quân bình chủ nghĩa,

không đánh giá cao hiệu quả lao động của mỗi cá nhân (chiếm 7.3%). Đó là những người ở lứa tuổi 40 - 49, là nữ và chưa có học hàm, học vị.

Mô hình xã hội liên quan tới tương quan giữa tốc độ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường với hai lựa chọn:

a. Nhanh chóng tăng tốc độ phát triển kinh tế, cho dù điều đó có thể làm cho tình trạng ô nhiễm môi trường trở nên trầm trọng hơn ở mức độ nào đó.

b. Quan tâm bảo vệ môi trường, cho dù điều đó có làm giảm tốc độ phát triển kinh tế của đất nước ở mức độ nào đó.



$$M 5 = 4.14; SD 5 = 1.11$$

Hình 5: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến tương quan giữa tốc độ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường (Tỷ lệ %)

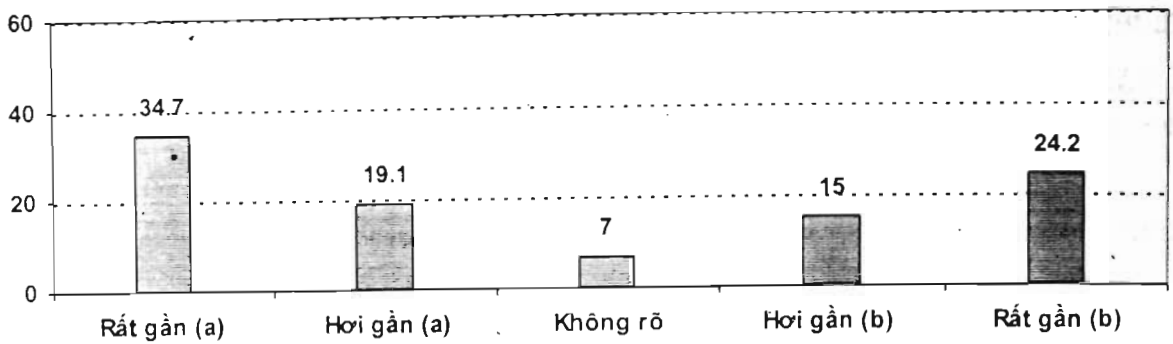
Kết quả trên hình 5 cho thấy rằng, phần lớn mẫu nghiên cứu đều lựa chọn việc bảo vệ môi trường, dù điều đó có làm giảm tốc độ phát triển kinh tế (với 50.6% chọn mức độ tuyệt đối 5 điểm, và 28.2% chọn mức độ 4 điểm). Có thể thấy giá trị phát triển kinh tế không phải là giá trị được ưu tiên nhất với trí thức hiện nay mà một xã hội phát triển nhưng bảo vệ được môi trường mới là lựa chọn của họ.

Chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (chừng khoảng hơn 10%) ủng hộ một xã hội phát triển kinh tế bằng mọi giá. Đó phần lớn là nam, có trình độ đại học, có kinh tế gia đình thuộc loại khá, sống ở Hà Nội, tuổi từ 40 - 49, điểm nỗ lực thành đạt ở mức thấp, điểm phản biện xã hội ở mức thấp.

Mô hình xã hội liên quan tới bảo vệ môi trường có 2 lựa chọn:

a. Ông (bà) sẽ đóng góp một phần thu nhập nếu biết chắc chắn rằng số tiền đó sẽ được dùng để chống ô nhiễm môi trường.

b. Chính phủ phải quan tâm đến việc bảo vệ môi trường, nhưng không được tăng thuế đối với người dân.



$$M \bar{x} = 2.75; SD \bar{x} = 1.62$$

Hình 6: Phân bố lựa chọn của trí thức về mô hình xã hội liên quan đến bảo vệ môi trường (Tỷ lệ %)

Dữ liệu khảo sát ý kiến của trí thức về giá trị này hiển thị ở hình 6 cho thấy có sự phân cực trong việc lựa chọn giữa hai giá trị: trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm chính phủ trong việc bảo vệ môi trường. Khoảng hơn 50% số người được hỏi lựa chọn giá trị về đóng góp thu nhập cá nhân cho bảo vệ môi trường và cũng khoảng gần 40% số người được hỏi cho rằng bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chính phủ chứ không phải sự đóng góp của người dân.

Kết quả so sánh sự lựa chọn giá trị xã hội của nam và nữ, của các nhóm lứa tuổi cho thấy định hướng giá trị xã hội của nam và nữ không khác nhau nhiều lắm. Họ hầu như tương đồng trong 4/6 giá trị được lựa chọn, chỉ hai giá trị có sự khác biệt là mô hình xã hội liên quan đến qui chế quản lý ($p < 0.01$) và liên quan đến chênh lệch thu nhập ($p < .05$), trong đó nữ thiên về lựa chọn một xã hội đóng góp cá nhân thấp và tương ứng với nó là phúc lợi xã hội thấp và nam thì thiên về một xã hội có tính cạnh tranh cao trong đó tương ứng là chênh lệch thu nhập cũng cao.

Ngược lại, các nhóm tuổi khác nhau có sự khác biệt rõ rệt trong hầu hết định hướng giá trị xã hội được khảo sát (trừ mô hình xã hội liên quan đến chênh lệch thu nhập).

Trong đó, càng nhiều tuổi, trí thức càng định hướng về các giá trị xã hội mà ở đó có thể làm giảm nhịp độ phát triển kinh tế nhằm bảo vệ môi trường, bảo vệ sự bình yên của xã hội, ít tệ nạn xã hội với tăng cường các qui chế quản lý chặt chẽ, đóng góp thuế thấp. Càng trẻ tuổi, trí thức càng hướng đến một mô hình xã hội trong đó phát triển kinh tế được ưu tiên hàng đầu, cho dù môi trường có thể bị suy thoái, tệ nạn xã hội có thể gia tăng, nhưng họ cũng thiên về sự đóng góp cá nhân, chấp nhận cạnh tranh và ủng hộ việc thu nhập dựa trên hiệu quả lao động chứ không quân bình cào bằng.

Điều này phản ánh rõ nét sự khác biệt thể hệ trong các giá trị xã hội mà mỗi cá nhân hướng tới.

Bảng 2: So sánh giá trị xã hội được lựa chọn của nam và nữ, của các nhóm tuổi khác nhau (Điểm trung bình)

Các giá trị	Giới tính		Tuổi			
	Nam	Nữ	< 30	30 - 39	40 - 49	>= 50
1. Mô hình xã hội liên quan đến qui chế quản lý	3.65	3.89	3.60	3.64	3.97	3.86
2. Mô hình xã hội liên quan tới xã hội phúc lợi và thuế	2.81	2.86	2.76	2.64	3.05	2.97
3. Mô hình xã hội liên quan tới qui chế và trách nhiệm cá nhân	2.04	1.92	1.95	2.01	2.20	1.85
4. Mô hình xã hội liên quan tới chênh lệch thu nhập	4.23	4.09	4.13	4.20	4.07	4.29
5. Mô hình xã hội liên quan tới tốc độ phát triển kinh tế và môi trường	4.13	4.17	4.03	3.97	4.29	4.35
6. Mô hình xã hội liên quan tới bảo vệ môi trường	2.77	2.70	2.66	2.68	2.63	2.95

Ghi chú: Điểm lớn nhất = 5 (phương án b) và điểm thấp nhất = 1 (phương án a)

Tóm lại, khi xem xét giá trị xã hội thông qua việc lựa chọn mô hình xã hội mong muốn có thể thấy một số điểm sau đây:

- Trí thức hiện nay hướng tới một xã hội ưu tiên phát triển kinh tế nhưng vẫn phải đảm bảo môi trường, một xã hội có tính cạnh tranh, thu nhập dựa trên năng lực và hiệu quả lao động của cá nhân. Bên cạnh đó, trong định hướng giá trị về một xã hội của trí thức thể hiện sự đòi hỏi đóng góp và trách nhiệm của mỗi cá nhân.

- Không có sự khác biệt rõ rệt về định hướng giá trị xã hội giữa trí thức nam và nữ nhưng lại thấy rõ sự khác biệt này giữa các thế hệ trí thức với các nhóm tuổi khác nhau phản ánh một thực tế là định hướng giá trị mang dấu ấn của lứa tuổi.